

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2026/HS-ST.

Ngày: 19-6-2026.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Văn Trung.

+ Ông Triệu Thành Vinh.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Lê Kim Chăm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long, Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2026/TLST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2026/QĐXXST-HS ngày 07/5/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2026/HSST-QĐ ngày 22/5/2026 đối với:

- *Bị cáo:* **Bùi Quốc L** - Sinh ngày 02/12/1987.

+ Tên gọi khác: Không có.

+ Nơi sinh: Tỉnh Bến Tre (nay là tỉnh Vĩnh Long).

+ Nơi đăng ký thường trú: Ấp A, xã M, tỉnh Vĩnh Long.

+ Nơi cư trú: Ấp H, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long.

+ Trình độ học vấn: Lớp 7/12.

+ Nghề nghiệp: Tài xế.

+ Dân tộc: Kinh, quốc tịch: Việt Nam, tôn giáo: Không.

+ Con ông Bùi Văn Hữu E con bà Nguyễn Thị Ngọc S.

+ Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Kim H.

+ Bị cáo có hai người con, người con lớn sinh năm 2023, người con nhỏ sinh năm 2026.

+ Tiền án: Không.

+ Tiền sự: Không.

+ Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 05/10/2025 sau đó chuyển sang tạm giam cho đến nay.

+ Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

1) Bà **Nguyễn Thị N** - Sinh năm: 1999; nơi cư trú: Ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2) Ông **Bùi Quốc Đ** - Sinh năm 1988; nơi cư trú: Ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Quốc Đ: Bà **Nguyễn Thị N** - Sinh năm: 1999; nơi cư trú: Ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1) Bà **Nguyễn Thị Kim H** - Sinh năm: 1990; nơi cư trú: Ấp H, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

2) Bà **Lê Thị Thu V** - Sinh năm: 1973; nơi cư trú: Ấp B, xã M, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

3) Ông **Huỳnh Công D** - Sinh năm: 1989; nơi cư trú: Ấp V, xã N, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

4) Bà **Nguyễn Thị Cẩm N1** - Sinh năm: 1987; nơi cư trú: Ấp A, xã T, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

5) Ông **Võ Tấn S1** - Sinh năm: 1993; nơi cư trú: Ấp A, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

6) Ông **Lê Hoàng T** - Sinh năm: 1990; nơi cư trú: Ấp H, xã M, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

7) Ông **Trương Chí T1** - Sinh năm: 1979; nơi cư trú: ấp A, xã M, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

8) Ông **Lê Hoàng H1** - Sinh năm: 1996; nơi cư trú: ấp T, phường B, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

9) Ông **Lê Thanh T2** - Sinh năm: 1989; nơi cư trú: Ấp A, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

10) Ông **Nguyễn Văn Thành L1** - Sinh năm: 1991; nơi cư trú: ấp T, xã M, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

11) Anh **Nguyễn Văn P** - Sinh năm: 2005; nơi cư trú: Ấp A, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

12) Bà **Quảng Thị Yên N2** - Sinh năm 1996; nơi cư trú: Ấp P, xã A, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

13) Ông **Mai Nhựt N3** - Sinh năm: 1990; nơi cư trú: Ấp D, xã M, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

14) Ông **Đoàn Hoàn D1 (D)** - Sinh năm: 1995; nơi đăng ký thường trú: Ấp T, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long; nơi ở hiện nay: Ấp A, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

15) Ông **Trần Hoàng T3** - Sinh năm: 1986; nơi thường trú: Số C ấp B, xã C, tỉnh Vĩnh Long; nơi ở: Số B, T, phường S, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 02/10/2025, Bùi Quốc L đến nhà của em ruột là Bùi Quốc Đ ở ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long chơi thì phát hiện khóa cửa chính nhà anh Đ có sẵn chìa khóa cắm trong ổ khóa. L biết vợ chồng anh Đ buôn bán thức ăn và thuốc thú y sẽ có sẵn tiền mặt cất giữ trong nhà nên nảy sinh ý định làm chìa khóa khác để mở khóa đột nhập vào nhà trộm tài sản. Để thực hiện ý định trên, L lén lấy ổ khóa và chìa khóa đem đến ngã ba C thuộc xã M, tỉnh Vĩnh Long thuê người làm thêm một chìa khóa khác rồi cất giữ chìa khóa mới làm, L mang ổ khóa và chìa khóa của anh Đ để lại chỗ cũ.

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 03/10/2025, L lấy xe mô tô nhãn hiệu Janus, mang biển số: 71B4-248.55 của vợ là Nguyễn Thị Kim H, điều khiển xe chở con ruột là Bùi Thiện P1 - Sinh năm 2023 đến nhà của Đ để thăm dò khi nào vợ chồng Đ đi vắng thì thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Đến nơi, sau khi biết được vợ chồng anh Đ sẽ đi vắng nhà, L chở P1 đến nhà người bà con gần đó để chơi. Khoảng 01 giờ sau, L chở P1 quay lại nhà anh Đ thì thấy nhà đã đóng cửa, khóa ổ khóa bên ngoài. L xuống xe dùng chìa khóa đã chuẩn bị sẵn mở ổ khóa cửa chính, bồng con vào trong nhà để xuống khu vực phòng khách rồi đi đến phòng ngủ của vợ chồng anh Đ, do cửa phòng khóa, L dùng tay và vai trái đẩy mạnh làm cửa phòng ngủ bật chốt khóa rồi mở cửa đi vào bên trong, thấy tủ nhựa trong phòng ngủ có khóa nên L dùng tay phải kéo mạnh mở ngăn kéo trên cùng của tủ nhựa thì phát hiện 07 (bảy) cọc tiền được buộc dây thun và xếp ngay ngắn, L lấy bốn cọc tiền rồi ra sau bếp lấy túi nylon màu đen và bỏ bốn cọc tiền trộm được vào, đóng cửa phòng lại, kéo cửa chính khóa lại như cũ rồi bồng con lên xe, đi được một đoạn L bỏ bốn cọc tiền vào cốp xe mang biển kiểm soát số: 71B4-248.55 rồi chở con về nhà.

Khi về đến nhà, L giao con cho vợ rồi điều khiển xe mô tô nêu trên đến tiệm Đ1, thuộc ấp B, xã M, tỉnh Vĩnh Long gặp bà Lê Thị Thu V, L đưa bà V 150.000.000VNĐ (một trăm năm mươi triệu đồng) nhờ chuyển vào tài khoản số 0935053570 mở tại Ngân hàng Q (M) của L, phí chuyển tiền là 200.000VNĐ (hai trăm ngàn đồng). Số tiền còn lại L cất giữ. Sau đó, L tiếp tục thuê xe ô tô đi Thành phố Hồ Chí Minh, khi đến bến xe M, L vào nhà vệ sinh công cộng kiểm đếm số tiền còn lại trong túi nylon là 50.000.000VNĐ (năm mươi triệu đồng), lúc này L biết được tổng số tiền đã chiếm đoạt của vợ chồng anh Đ là 200.000.000VNĐ (hai trăm triệu đồng).

Sau đó, L đến dịch vụ chuyển phát nhanh trên đường L thuộc Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh nhờ chuyển vào tài khoản cá nhân của L số 0935053570 của Ngân hàng Q số tiền 40.000.000VNĐ (bốn mươi triệu đồng) và giữ lại 10.000.000VNĐ (mười triệu đồng).

Do thấy số tiền trộm cắp quá nhiều nên L chuyển khoản cho vợ là Nguyễn Thị Kim H và nhờ chị H chuyển trả lại cho vợ chồng anh Đ 02 (hai) lần với tổng số tiền chuyển trả là 50.000.000VNĐ (năm mươi triệu đồng), số tiền còn lại L chuyển khoản trả nợ cho những người sau: Ông Huỳnh Công D số tiền 4.000.000VNĐ (bốn triệu đồng); trả cho bà Nguyễn Thị Cẩm N1 số tiền 22.300.000VNĐ (hai mươi hai triệu ba trăm ngàn đồng); ông Võ Tấn Sĩ S2 tiền là 3.000.000VNĐ (ba triệu đồng); ông Lê Hoàng T số tiền 3.800.000VNĐ (ba triệu tám trăm ngàn đồng); ông Trương Chí T1 số tiền 12.000.000VNĐ (mười hai triệu đồng); ông Lê Hoàng H1 số tiền 17.000.000VNĐ (mười bảy triệu đồng); ông Lê Thanh T2 số tiền 10.000.000VNĐ (mười triệu đồng); ông Nguyễn Văn Thành L1 số tiền 5.500.000VNĐ (năm triệu năm trăm ngàn đồng); anh Nguyễn Văn P số tiền 5.400.000VNĐ (năm triệu bốn trăm ngàn đồng); bà Quảng Thị Yến N2 số tiền 10.000.000VNĐ (mười triệu đồng); ông Mai Nhựt N3 số tiền 10.900.000VNĐ (mười triệu chín trăm ngàn đồng); ông Đoàn Hoàn D1 (D) số tiền 10.000.000VNĐ (mười triệu đồng) và Trần Hoàng T3 số tiền 8.500.000VNĐ (tám triệu năm trăm ngàn đồng). Số tiền còn lại L đã tiêu xài cá nhân hết. Ngày 05/10/2025, Bùi Quốc L đến Công an tỉnh V đầu thú khai nhận hành vi phạm tội.

Tại bản cáo trạng số: 34/CT-VKSKV9 ngày 06/3/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long đã truy tố bị cáo Bùi Quốc L về “*Tội trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Đối với Lê Thị Thu V thực hiện chuyển tiền vào tài khoản của L; Huỳnh Công D, Nguyễn Thị Cẩm N1, Võ Tấn S1, Lê Hoàng T, Trương Chí T1, Lê Hoàng H1, Lê Thanh T2, Nguyễn Văn Thành L1, Nguyễn Văn P, Quảng Thị Yến N2, Mai Nhựt N3, Đoàn Hoàn D1, Trần Hoàng T3 nhận được tiền do L trả

nợ nhưng những người này không biết là tài sản do L trộm cắp mà có nên không phạm tội.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo giữ nguyên lời khai như trong giai đoạn điều tra, truy tố, thừa nhận hành vi đã thực hiện theo nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Bị hại giữ nguyên lời trình bày, yêu cầu như trong giai đoạn điều tra, truy tố; xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản tiền còn lại mà Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh V chưa thu hồi lại được.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Trần Hoàng T3 giữ nguyên lời khai như trong giai đoạn điều tra, truy tố.

Các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án còn lại là Nguyễn Thị Kim H, Lê Thị Thu V, Huỳnh Công D, Nguyễn Thị Cẩm N1, Võ Tấn S1, Lê Hoàng T, Trương Chí T1, Lê Hoàng H1, Lê Thanh T2, Nguyễn Văn Thành L1, Nguyễn Văn P, Quảng Thị Yến N2, Mai Nhật N3, Đoàn Hoàn D1 vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo theo nội dung bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố bị cáo Bùi Quốc L phạm “*Tội trộm cắp tài sản*”. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Quốc L từ 04 (bốn) đến 05 (năm) năm tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Về xử lý vật chứng: Áp dụng các điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim H 01 (một) chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Yamaha, số loại Janus, màu đen - đỏ, biển kiểm soát số: 71B4-248.55, số máy: E3Y8E134779, số khung: RLCSEC820KY134767 (đã qua sử dụng);

Trả lại cho bị cáo Bùi Quốc L 01 (một) cái điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, màu đen, không lắp sim, số Imei: 356387103121860 (đã qua sử dụng);

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) chiếc nón bảo hiểm màu đen (đã qua sử dụng); 01 (một) nón kết bằng vải màu đen có ký hiệu màu trắng trên nón ở phía trước (đã qua sử dụng); 02 (hai) chiếc dép kẹp màu đen, có quai kẹp màu xám (đã qua sử dụng); 01 (một) khẩu trang y tế màu trắng, có hoa văn màu vàng xanh (loại khẩu trang trẻ em);

Trả lại cho bị hại số tiền là: 77.100.000VNĐ (bảy mươi bảy triệu một trăm ngàn đồng).

+ Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận số tiền là 50.000.000VNĐ (năm mươi triệu đồng) do bị cáo trả lại; bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền còn lại nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hoạt động tố tụng, quyết định tố tụng của Điều Tra V1, Kiểm Sát V2, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử không bị khiếu nại và được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là Nguyễn Thị Kim H, Lê Thị Thu V, Huỳnh Công D, Nguyễn Thị Cẩm N1, Võ Tấn S1, Lê Hoàng T, Trương Chí T1, Lê Hoàng H1, Lê Thanh T2, Nguyễn Văn Thành L1, Nguyễn Văn P, Quảng Thị Yến N2, Mai Nhật N3, Đoàn Hoàn D1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai cụ thể, rõ ràng tại cơ quan điều tra và việc vắng mặt của những người này không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nêu trên theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Lời khai của bị cáo, bị hại tại phiên tòa là phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định được: Vào ngày 03/10/2025, bị cáo đã lén lút đột nhập vào nhà của anh Bùi Quốc Đ và chị Nguyễn Thị N ở ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long chiếm đoạt số tiền 200.000.000VNĐ (hai trăm triệu đồng) để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

[4] Xét thấy, bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; biết rõ việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo được thực hiện một cách lén lút với lỗi cố ý đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại, số tiền bị cáo lén lút chiếm đoạt của bị hại là 200.000.000VNĐ (hai trăm triệu đồng) đây chính là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy việc truy tố bị cáo ra xét xử tại phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật; với hành vi, hậu quả nêu trên, Hội đồng xét xử sơ thẩm có đủ cơ sở kết luận: Bị

cáo Bùi Quốc L đã phạm “*Tội trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự với khung hình phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm tù.

[6] Trong lượng hình, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[6.1] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà sơ thẩm, bị cáo có thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền là 50.000.000VNĐ (năm mươi triệu đồng) nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; sau khi sự việc bị phát hiện thì bị cáo đã ra cơ quan công an đầu thú nên áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[6.2] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, chưa có tiền án, tiền sự, mới phạm tội lần đầu, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, phải nuôi con còn nhỏ nên áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự về việc quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo.

[6.3] Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000VNĐ (năm triệu đồng) đến 50.000.000VNĐ (năm mươi triệu đồng). Tuy nhiên, qua xem xét điều kiện, hoàn cảnh sống của bị cáo, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6.4] Các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là Lê Thị Thu V, Huỳnh Công D, Nguyễn Thị Cẩm N1, Võ Tấn S1, Lê Hoàng T, Trương Chí T1, Lê Hoàng H1, Lê Thanh T2, Nguyễn Văn Thành L1, Nguyễn Văn P, Quảng Thị Yến N2, Mai Nhật N3, Đoàn Hoàn D1, Trần Hoàng T3 không biết số tiền nhận được là do bị cáo phạm tội mà có nên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền là 50.000.000VNĐ (năm mươi triệu đồng), bị hại không yêu cầu bồi thường số tiền bị cáo đã tiêu xài cá nhân và số tiền bị cáo đã chuyển trả nợ nhưng cơ quan cảnh sát điều tra không thu hồi lại được; đây là sự tự nguyện và là quyền định đoạt của bị hại nên ghi nhận.

[8] Về xử lý vật chứng:

Trong quá trình điều tra, bị cáo đã giao nộp 10.000.000VNĐ (mười triệu đồng), Lê Thị Thu V giao nộp 200.000VNĐ (hai trăm ngàn đồng), Nguyễn Văn P giao nộp 5.400.000VNĐ (năm triệu bốn trăm ngàn đồng), Huỳnh Công D giao nộp 4.000.000VNĐ (bốn triệu đồng), Nguyễn Thị Cẩm N1 giao nộp 22.300.000VNĐ (hai mươi hai triệu ba trăm ngàn đồng), Võ Tấn S1 giao nộp 3.000.000VNĐ (ba triệu đồng), Lê Hoàng T giao nộp 3.800.000VNĐ (ba triệu tám trăm ngàn đồng), Trương Chí T1 giao nộp 12.000.000VNĐ (mười hai triệu đồng), Mai Nhựt N3 giao nộp 10.900.000VNĐ (mười triệu chín trăm ngàn đồng), Nguyễn Văn T4 Luân giao nộp 5.500.000VNĐ (năm triệu năm trăm ngàn đồng); tổng số tiền cơ quan điều tra thu hồi lại được là 77.100.000VNĐ (bảy mươi bảy triệu một trăm ngàn đồng) đây là tài sản bị chiếm đoạt thu hồi lại được nên giao trả cho bị hại;

Một chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Yamaha, số loại Janus, màu đen - đỏ, biển kiểm soát số: 71B4-248.55, số máy: E3Y8E134779, số khung: RLCSEC820KY134767 (đã qua sử dụng) là của bà Nguyễn Thị Kim H, bà Kim H không biết bị cáo sử dụng chiếc xe để đi trộm cắp tài sản nên giao trả lại cho bà Kim H.

Một chiếc nón bảo hiểm màu đen (đã qua sử dụng), 01 (một) cái nón kết bằng vải màu đen có ký hiệu màu trắng trên nón ở phía trước (đã qua sử dụng), 01 (một) đôi dép kẹp màu đen, có quai kẹp màu xám (đã qua sử dụng); một cái khẩu trang y tế màu trắng, có hoa văn màu vàng xanh (loại khẩu trang trẻ em); các tài sản này là của bị cáo, bị cáo không yêu cầu nhận lại, các vật chứng này không có giá trị nên tịch thu, tiêu hủy;

Một cái điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, màu đen, không lắp sim, số Imei: 356387103121860 (đã qua sử dụng) là của bị cáo nên giao trả lại cho bị cáo.

Riêng đối với một cái chìa khóa do bị cáo làm thêm, cơ quan điều tra không thu hồi lại được nên không xử lý.

[9] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000VNĐ (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Tuyên bố: Bị cáo Bùi Quốc L phạm “*Tội trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Bùi Quốc L 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/10/2025 (ngày bị cáo bị tạm giữ sau đó chuyển sang tạm giam cho đến nay).

[2] Về xử lý vật chứng: Áp dụng các điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

2.1) Giao trả lại cho bị hại (B, Nguyễn Thị N) số tiền là 77.100.000VNĐ (bảy mươi bảy triệu một trăm ngàn đồng). Hiện do Thi hành án Dân sự tỉnh Vĩnh Long tạm giữ theo Biên lai thu tiền số 0000904 ngày 27/3/2026.

2.2) Giao trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim H 01 (một) xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Yamaha, số loại Janus, màu đen - đỏ, biển kiểm soát số: 71B4-248.55, số máy: E3Y8E134779, số khung: RLCSEC820KY134767 (đã qua sử dụng);

2.3) Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếc nón bảo hiểm màu đen (đã qua sử dụng); 01 (một) cái nón kết bằng vải màu đen có ký hiệu màu trắng trên nón ở phía trước (đã qua sử dụng); 02 (hai) chiếc dép kẹp màu đen, có quai kẹp màu xám (đã qua sử dụng); 01 (một) cái khẩu trang y tế màu trắng, có hoa văn màu vàng xanh (loại khẩu trang trẻ em).

2.4) Giao trả lại cho bị cáo Bùi Quốc L: 01 (một) cái điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, màu đen, không lắp sim, số Imei: 356387103121860 (đã qua sử dụng).

Các vật chứng nêu tại mục 2.2, 2.3, 2.4 nêu trên hiện do Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 - Vĩnh Long tạm giữ theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 11/3/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh V với Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 - Vĩnh Long.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các điều 194, 585, 589 của Bộ luật Dân sự: Ghi nhận việc bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền là 50.000.000VNĐ (năm mươi triệu đồng); bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Bùi Quốc L phải nộp: 200.000VNĐ (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án; riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ

án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án;
- UBND xã Đồng Khởi;
- VKSND khu vực 9 - Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Vĩnh Long;
- Công an tỉnh Vĩnh Long (P.HSNV);
- Phòng T.H.A.D.S khu vực 9 - Vĩnh Long;
- Phòng GD, KT, TT và T.H.A - TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, T.H.A.H.S, Vp, Bp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên